

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc xây dựng nông thôn mới ở các thôn, bản thuộc các huyện, xã miền núi, giai đoạn 2018 - 2021

Thực hiện kế hoạch giám sát việc xây dựng nông thôn mới (NTM) ở các thôn, bản thuộc các huyện, xã miền núi, giai đoạn 2018 - 2021; Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã thành lập Đoàn giám sát, tiến hành giám sát trực tiếp¹ và giám sát thông qua xem xét các báo cáo. Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai và cụ thể hóa, ban hành các văn bản thực hiện Chương trình xây dựng NTM

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, vùng miền núi Thanh Hóa có 163 xã, với 1.330 thôn, bản; trong đó có 76 xã, với 613 thôn, bản của 06 huyện nghèo thuộc Chương trình 30a của Chính phủ.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng NTM theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương² và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, giai đoạn 2018 - 2021, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, ban hành Bộ tiêu chí xã NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn NTM và Bộ tiêu chí thôn, bản NTM kiểu mẫu, giai đoạn 2019-2020³. Hệ thống các văn bản của UBND tỉnh ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi, đồng bộ, thống nhất để triển khai thực hiện.

Các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đã quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về Chương trình

¹ Giám sát tại các xã và các huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Như Thanh, Như Xuân và Văn phòng điều phối xây dựng NTM tỉnh.

² Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM giai đoạn 2016 - 2020; số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.

³ Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về Bộ tiêu chí xã NTM; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và tổ chức công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM" và Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 về Bộ tiêu chí thôn, bản NTM kiểu mẫu, giai đoạn 2019-2020...

mục tiêu quốc gia xây dựng NTM; tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo, bố trí cán bộ phụ trách tại Văn phòng Điều phối xây dựng NTM ở các cấp. Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, tập huấn về Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, đã tạo được phong trào thu hút toàn dân tham gia.

Cấp ủy, chính quyền một số huyện đã ban hành nghị quyết chuyên đề để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động các nguồn lực cho xây dựng NTM; đồng thời xây dựng kế hoạch cụ thể cho cả giai đoạn và từng năm để triển khai thực hiện, tiến hành đăng ký xã, thôn, bản về đích NTM, nông thôn mới kiểu mẫu, phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị⁴.

Văn phòng Điều phối xây dựng NTM của tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đã ban hành nhiều văn bản để đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM; thường xuyên đôn đốc tiến độ giải ngân vốn hỗ trợ xây dựng NTM, kế hoạch phấn đấu xã đạt chuẩn NTM, việc thẩm định, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu hàng năm; hướng dẫn các chủ thể hoàn thiện sản phẩm tham gia Chương trình OCOP. Các ngành, đơn vị cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn để các địa phương triển khai thực hiện.

2. Việc ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng NTM

Cùng với việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh⁵ về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM, hỗ trợ thưởng cho các địa phương, đơn vị đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Các huyện miền núi đã ban hành cơ chế huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp; khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với địa phương, đơn vị làm tốt, cách làm sáng tạo trong xây dựng NTM. Giai đoạn 2018 - 2021, HĐND các huyện miền núi đã ban hành 33 nghị quyết⁶ về cơ chế hỗ trợ cho các xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM. Các cơ chế, chính sách ban hành được các xã, thôn, bản và nhân dân đồng tình, ủng hộ, thực sự đi vào đời sống, phát huy hiệu quả, góp phần khuyến khích huy động được các nguồn

⁴ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 về việc phê duyệt danh sách các huyện, thị xã, thành phố phấn đấu đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; danh sách các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 16/12/2019 về xây dựng NTM kiểu mẫu; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 11/6/2019, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 16/3/2020 và Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 30/3/2021 về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2019, 2020, 2021.

⁵ Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 12/12/2019, Nghị quyết số 340-NQ/HĐND ngày 6/12/2020 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM (hỗ trợ, thưởng cho các địa phương đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và hỗ trợ đầu tư cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM).

⁶ Huyện Lang Chánh và huyện Thường Xuân ban hành 04 nghị quyết, huyện Thạch Thành và huyện Như Thanh 06 nghị quyết, huyện Như Xuân 08 nghị quyết, huyện Bá Thước 02 nghị quyết; các huyện Quan Sơn, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Quan Hóa 01 nghị quyết.

lực trong nhân dân để đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn miền núi.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả xây dựng xã, thôn, bản đạt chuẩn NTM

Tính đến năm 2021, các huyện miền núi có 57/163 xã, bằng 34,97% đạt chuẩn NTM⁷, trong đó có 05 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; có 703 thôn, bản⁸, bằng 52,85% đạt chuẩn NTM, trong đó có 46 thôn, bản đạt NTM kiểu mẫu. Bình quân khu vực miền núi đạt 15,5 tiêu chí/xã; đạt 11,56 tiêu chí/thôn, bản.

Giai đoạn 2018 - 2021 có 36 xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; có 473 thôn, bản đạt chuẩn NTM, trong đó có 41 thôn, bản đạt NTM kiểu mẫu. Bình quân trong giai đoạn này đạt 14,5 tiêu chí/xã và 9,6 tiêu chí/thôn, bản.

Tổng nguồn lực các huyện, các xã miền núi huy động cho xây dựng NTM (tính đến năm 2021) đạt 8.895 tỉ đồng. Trong đó: Nguồn vốn Trung ương và tỉnh hỗ trợ 1.335,3 tỉ đồng (chiếm 15,2%); ngân sách huyện và ngân sách xã 353 tỉ đồng (chiếm 3,96%); các nguồn vốn khác, vốn tín dụng và vốn lồng ghép 1.853 tỉ đồng (chiếm 20,66%); nguồn huy động đóng góp của nhân dân (bằng ngày công lao động, hiến đất, tiền của, vật chất...) 5.353,7 tỉ đồng (chiếm 60,18%).

2. Kết quả thực hiện hỗ trợ thôn, bản đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, miền núi xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững

Thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg, ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, miền núi, gắn với giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2018 - 2020; khu vực miền núi của tỉnh có 115 thôn, bản thuộc 13 xã của 05 huyện: Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa, Mường Lát, Quan Sơn được thụ hưởng. Để triển khai thực hiện Đề án, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương rà soát thực trạng các thôn, bản gắn với 14 tiêu chí NTM⁹ để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện từng năm và cả giai đoạn. Đồng thời, rà soát, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, như: Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng cây dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc... Sau gần 04 năm triển khai thực hiện đã đạt kết quả

⁷ Huyện Ngọc Lặc 12 xã, huyện Thạch Thành 9 xã, huyện Như Thanh 9 xã, huyện Cẩm Thủy 8 xã, huyện Thường Xuân 6 xã, huyện Như Xuân 5 xã, huyện Bá Thước 3 xã, huyện, huyện Quan Sơn 2 xã, huyện Lang Chánh 2 xã, huyện Quan Hóa 01 xã.

⁸ Huyện Cẩm Thủy 45 thôn, bản; huyện Quan Hóa 31 thôn, bản; huyện Mường Lát 17 thôn, bản; huyện Quan Sơn 56 thôn, bản; huyện Bá Thước 82 thôn, bản; huyện Thạch Thành 113 thôn, bản; huyện Như Thanh 75 thôn, bản; huyện Như Xuân 60 thôn, bản; huyện Thường Xuân 41 thôn, bản; huyện Ngọc Lặc 153 thôn, bản; huyện Lang Chánh 30 thôn, bản.

⁹ Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và tổ chức công bố "Thôn, bản đạt chuẩn NTM".

tích cực, một số công trình thiết yếu ở thôn, bản như giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, nhà văn hóa cơ bản hoàn thành, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống của nhân dân; đến nay đã có 37/115 thôn, bản, bằng 32,2% đạt chuẩn NTM.

3. Kết quả xây dựng NTM ở thôn, bản theo từng tiêu chí

Thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM gồm có 14 tiêu chí theo Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh. Việc xây dựng NTM ở 1.330 thôn, bản miền núi đã đạt được kết quả tích cực. Bình quân toàn khu vực miền núi đạt 11,56 tiêu chí/thôn, bản (tính đến năm 2021, đã có 703 thôn, bản, bằng 52,86% đạt chuẩn NTM). Kết quả cụ thể đối với từng tiêu chí như sau:

- *Tiêu chí lao động có việc làm*: Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm, tình trạng việc làm của người lao động ở khu vực miền núi ngày càng được cải thiện; đến hết năm 2021 có 1.279/1.330 thôn, bản (chiếm 96,1%) đạt tiêu chí lao động có việc làm.

- *Tiêu chí thu nhập*: Phát triển kinh tế đã tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân; đến nay đã có 876/1.330 thôn, bản (chiếm 65,8%) đạt tiêu chí về thu nhập.

- *Tiêu chí hộ nghèo*: Tính đến cuối năm 2021, khu vực miền núi còn 8.878 hộ nghèo, 24.871 hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020); đã có 849/1.330 thôn, bản (chiếm 63,83%) đạt tiêu chí hộ nghèo.

- *Tiêu chí nhà ở dân cư và vườn hộ*: Đến hết năm 2021 đã có 1.034/1.330 thôn, bản (chiếm 77,74%) đạt tiêu chí nhà ở và vườn hộ, phù hợp với mỹ quan, phong tục, tập quán sinh hoạt của đồng bào.

- *Tiêu chí giao thông nông thôn*: Đến nay đường giao thông liên xã, liên thôn, bản, đường nội thôn, nội bản cơ bản được cứng hóa; đã có 970/1.330 thôn, bản (chiếm 72,9%) đạt tiêu chí về giao thông nông thôn.

- *Tiêu chí giáo dục và đào tạo*: Cùng với tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, các huyện miền núi đã không ngừng quan tâm phát triển giáo dục toàn diện ở các cấp học, bậc học; đã có 1.186/1.330 thôn, bản (chiếm 89,17%) đạt tiêu chí giáo dục và đào tạo.

- *Tiêu chí y tế*: Phần lớn các trạm y tế ở miền núi đều có bác sỹ, nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; cơ sở vật chất, trang thiết bị tuyến trạm ngày càng được quan tâm đầu tư, nâng cấp; đã có 1.234/1.330 thôn, bản (chiếm 92,7%) đạt tiêu chí về y tế.

- *Tiêu chí về văn hóa*: Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của

đồng bào các dân tộc được bảo tồn và phát huy; có 1.085/1.330 thôn, bản (chiếm 81,5%) đạt tiêu chí văn hóa.

- *Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm*, đã có 939/1.330 thôn, bản (chiếm 70,6%) đạt tiêu chí này.

- *Tiêu chí thủy lợi*: Được các cấp, các ngành và nhân dân quan tâm tập trung đầu tư bằng nguồn kinh phí từ ngân sách, bằng ngày công lao động; đến nay có 1.192/1.330 thôn, bản (chiếm 89,6%) đạt tiêu chí về thủy lợi.

- *Tiêu chí điện nông thôn*: Được quan tâm đầu tư, chất lượng cung cấp điện năng được cải thiện đáng kể; đến nay đã có 1.281/1.330 thôn, bản (chiếm 98%) đạt tiêu chí điện nông thôn.

- *Tiêu chí về thông tin và truyền thông*: Hoạt động bưu chính, viễn thông được đầu tư phát triển cả về cơ sở hạ tầng, loại hình, chất lượng dịch vụ, chất lượng phủ sóng, mạng Internet; đã có 1.199/1.330 thôn, bản (chiếm 90,15%) đạt tiêu chí về thông tin và truyền thông.

- *Tiêu chí về xây dựng hệ thống chính trị* được quan tâm, các chi bộ Đảng thể hiện rõ vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở; các tổ chức đoàn thể và cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành, kỹ năng vận động quần chúng, thu hút tập hợp hội viên, đoàn viên được nâng lên; đã có 1.300/1.330 thôn, bản (chiếm 97,7%) đạt tiêu chí này.

- *Tiêu chí quốc phòng - an ninh*: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm thực hiện, đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân tham gia; đến nay có 1.307/1.330 thôn, bản (chiếm 98,27%) đạt tiêu chí này.

4. Kết quả thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 10/8/2018 để triển khai thực hiện, tiếp đó đã ban hành Quyết định số 5363/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030; hàng năm đã ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện. Các huyện, các xã đã bổ sung nhiệm vụ triển khai, thực hiện Chương trình OCOP vào nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, gắn với xây dựng NTM, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn.

Đến hết năm 2021, trên địa bàn các huyện miền núi có 33 sản phẩm OCOP được tỉnh công nhận đạt 3 sao¹⁰, điển hình như: Nấm bào ngư xám, Nấm linh chi

¹⁰ Các huyện có sản phẩm OCOP: huyện Mường Lát 01 sản phẩm; huyện Quan hóa 04 sp; huyện Bá Thước 03 sp; huyện Cẩm Thủy 02 sp; huyện Thạch Thành 04 sp; huyện Ngọc Lặc 04 sp; huyện Như Thanh 04 sp; huyện Như Xuân 07 sp; huyện Thường Xuân 04 sp.

đỏ, Nấm mộc nhĩ khô, Miến dong của huyện Như Thanh; Cam Đường canh, Cam xã Đoài, Hương bài Yên Cát, Gà đồi Năm Dung...huyện Như Xuân; Mật ong rừng Yên Nhân, Quế Thanh, Măng khô, Cá xấy Cửa Đạt, huyện Thường Xuân; Bánh nhãn Hồi Xuân, Chè tán ma Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa....

5. Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra được các huyện quan tâm thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị. Việc thanh, kiểm tra chủ yếu tập trung vào các nội dung như: kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc bàn, quyết định những công việc liên quan đến huy động và sử dụng nguồn lực của Nhân dân; việc bố trí và sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản; việc tiếp nhận, quản lý sử dụng xi măng hỗ trợ theo cơ chế, chính sách của tỉnh.

Từ năm 2018 - 2021, Ban chỉ đạo cấp huyện, HĐND, MTTQ, Ban giám sát cộng đồng đã thanh tra, kiểm tra, giám sát 120 cuộc ở các xã, các thôn, bản¹¹. Qua kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện chấn chỉnh những thiếu sót, bất cập và xử lý những vi phạm trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình¹²; đồng thời góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự quyết tâm của hệ thống chính trị trong thực hiện xây dựng NTM.

Đánh giá chung: Giai đoạn 2018 - 2021, thực hiện chương trình xây dựng NTM tại các huyện, xã miền núi trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn khu vực miền núi đã có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét; ngày càng xuất hiện nhiều mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị mang lại hiệu quả kinh tế cao được nhân rộng; kinh tế tăng trưởng khá, thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước; tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm theo tiêu chí nghèo đa chiều; đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Kết cấu hạ tầng khu vực miền núi ngày càng được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Môi trường sinh thái khu vực nông thôn miền núi được cải thiện, thân thiện với đời sống con người. Dân chủ ở cơ sở ngày càng được phát huy; ý thức, trách nhiệm, quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc không ngừng được nâng lên; hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; phong trào toàn dân chung sức xây dựng NTM được Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính

¹¹ Huyện Cẩm Thủy 46 cuộc; huyện Mường Lát 36 cuộc; huyện Quan Sơn 02 cuộc; huyện Như Xuân 16 cuộc; huyện Như Thanh 15 cuộc; huyện Thạch Thành 15 cuộc...

¹² Huyện Quan Sơn qua kiểm tra đã phát hiện và giảm trừ 243.732 triệu đồng (giảm trừ thanh toán công trình).

trị - xã hội, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, đã trở thành phong trào rộng khắp, có sức lan tỏa trong đời sống xã hội.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng NTM ở các thôn, bản thuộc các xã, các huyện miền núi thời gian qua cũng còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, đó là:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, phong trào xây dựng NTM có lúc, có nơi chưa sâu rộng, đều khắp và thường xuyên; một bộ phận cán bộ và Nhân dân còn có tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc xây dựng NTM ở địa bàn dân cư.

- Công tác chỉ đạo ở một số nơi còn thiếu tính căn cơ, toàn diện, đa phần là quan tâm đến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập cho người dân; công tác bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải, nước thải một số nơi còn hạn chế, cảnh quan môi trường chưa được cải thiện nhiều.

- Một số địa phương chưa làm tốt công tác lập và phê duyệt quy hoạch chung xây dựng cấp xã đến năm 2030, làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng NTM; tỷ lệ số xã được phê duyệt quy hoạch đến nay chưa nhiều¹³.

- Kết quả xây dựng NTM của một số huyện còn thấp so với mặt bằng chung của cả tỉnh và còn khoảng cách lớn giữa các vùng; một số huyện chưa đạt chỉ tiêu xây dựng xã NTM được giao năm 2021¹⁴. Nguồn lực đầu tư cho các tiêu chí kết cấu hạ tầng ở miền núi nhu cầu lớn, nhưng khả năng có hạn; tình trạng nợ đọng trong xây dựng NTM vẫn còn.

- Các thôn, bản ở các xã khu vực biên giới có địa hình đồi núi cao, hầu hết có điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống dân cư khó khăn, tình trạng di cư tự do còn xảy ra, nên việc huy động nguồn lực hạn chế, tác động ảnh hưởng đến hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững ở các thôn, bản thuộc các xã biên giới.

- Ở một số địa phương vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ và Nhân dân xuất hiện tư tưởng thỏa mãn, bằng lòng với kết quả đã đạt được chuẩn NTM, nên việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM tiến tới xây dựng NTM

¹³ Huyện Mường Lát đã phê duyệt quy hoạch 01/8 xã; huyện Quan Sơn 2/11 xã; huyện Quan Hóa 2/15 xã; huyện Như Xuân 16/16 xã; huyện Bá Thước 4/20 xã; huyện Lang Chánh 4/10 xã; huyện Ngọc Lặc 5/21 xã; huyện Cẩm Thủy 15/17 xã; huyện Thạch Thành 4/25 xã; huyện Như Thanh 14/14 xã; huyện Thường Xuân 4/14 xã.

¹⁴ Các huyện Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Ngọc Lặc chưa đạt chỉ tiêu giao năm 2021.

nâng cao, NTM kiểu mẫu chưa quyết liệt. Kết quả một số tiêu chí đã đạt được nhưng chưa thực sự bền vững như: tiêu chí môi trường, tiêu chí thu nhập, tiêu chí hộ nghèo. Một số tiêu chí NTM chưa thật phù hợp đối với các vùng, miền có đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khác nhau, nhất là vùng miền núi cao, như tiêu chí an toàn thực phẩm, tiêu chí nước sạch tập trung.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, quy mô sản xuất còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp, tiềm ẩn yếu tố kém bền vững, chưa có sản phẩm chủ lực, khẳng định thương hiệu hàng hóa của địa phương trên thị trường.

- Việc xây dựng sản phẩm OCOP chưa thật sự bền vững, một số sản phẩm có thương hiệu nhưng quy mô, sản lượng không lớn, chưa trở thành chuỗi cung ứng sản phẩm, nên sức cạnh tranh, giá trị sản phẩm hàng hóa chưa nhiều.

2. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Khu vực miền núi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, diện tích rộng, địa hình phức tạp, dân cư sinh sống không tập trung, xuất phát điểm thấp, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhu cầu đầu tư rất lớn, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng, trong khi nguồn lực còn rất hạn chế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, yêu cầu của công cuộc xây dựng NTM ở một số địa phương có lúc, có nơi chưa thường xuyên, liên tục; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa có nhiều đổi mới, chưa phù hợp với từng địa bàn dân cư, nên hiệu quả đạt được chưa như mong muốn.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa thể hiện quyết tâm cao nên chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội cho thực hiện chương trình.

- Công tác rà soát, đánh giá thực trạng của từng tiêu chí để xây dựng kế hoạch, đặt ra lộ trình, khả năng hoàn thành việc xây dựng NTM ở một số nơi còn chưa sát, chưa phù hợp với điều kiện, khả năng, nên kết quả đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu chưa khả thi; việc nâng cao thu nhập cho đồng bào các dân tộc, phát triển kinh tế nông thôn miền núi chưa bền vững.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo rà soát quy hoạch 03 loại rừng, có phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng cho phù hợp với từng loại đất và tình hình thực tế ở các địa phương, chuyển đổi đất của các Công ty lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng sử dụng chưa hiệu quả về địa phương quản lý, để phát huy hiệu quả sử dụng đất.

- Chỉ đạo UBND các huyện miền núi hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy hoạch huyện, quy hoạch vùng đến năm 2030, để nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

- Sớm hoàn thiện trình tự, thủ tục, hồ sơ, hướng dẫn nông dân tham gia các mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao thu nhập và đời sống của Nhân dân.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và cán bộ làm công việc xây dựng NTM nói riêng, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng NTM.

2. Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách, tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương hoàn thành các nội dung, tiêu chí xây dựng NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu theo kế hoạch.

3. Đối với các huyện miền núi

- Chỉ đạo các xã lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chung gắn với xây dựng NTM đảm bảo chất lượng.

- Thường xuyên rà soát các tiêu chí đã hoàn thành NTM để không ngừng cải thiện, nâng cao; chỉ đạo Văn phòng Điều phối xây dựng NTM của huyện phối hợp với các phòng chức năng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, phân bổ kịp thời các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện hướng dẫn cụ thể cho nông dân tham gia thực hiện các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình khi tham gia các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đảm bảo đúng quy định của Trung ương và của tỉnh, nhằm mang lại hiệu quả rõ rệt.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các thôn, bản thuộc các huyện, xã miền núi giai đoạn 2018 - 2021, Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ủy viên Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, DT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hùng

**Biểu 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOÀN THÀNH NÔNG THÔN MỚI VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP
TẠI 11 HUYỆN MIỀN NÚI**

(Lũy kế đến 31/12/2021)

(Kèm theo báo cáo số ~~120~~ BC/DT, ngày 08 tháng 12 năm 2022)

TT	Tên đơn vị	Kết quả hoàn thành nông thôn mới (NTM)										Kết quả phát triển Sản phẩm OCOP				Ghi chú
		Số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số xã XD NTM	Xã đạt chuẩn NTM		Xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Tổng số thôn, bản XD NTM	Thôn, bản đạt chuẩn		Thôn NTM kiểu mẫu	Tổng số	Trong đó			
				Số lượng	Tỷ lệ (%)				Số lượng	Tỷ lệ (%)			3 sao	4 sao	5 sao	
1	Thạch Thành	25	23	9	39,13	1	0	170	113	66,47	6	4	4	0	0	
2	Như Thanh	14	13	9	69,23	2	0	143	75	52,44	12	4	4	0	0	
3	Cẩm Thủy	17	16	8	50,00	0	0	103	45	43,68	5	2	2	0	0	
4	Ngọc Lặc	21	20	9	45,0	1	0	189	153	80,95	3	4	4	0	0	
5	Thường Xuân	16	15	6	40,00	1	0	113	41	36,26	5	4	3	1	0	
6	Quan Hóa	15	14	1	7,14	0	0	93	31	33,33	1	4	4	0	0	
7	Quan Sơn	12	11	2	18,18	0	0	83	56	67,46	9	0	0	0	0	
8	Như Xuân	16	15	5	33,33	0	0	112	60	53,57	1	7	7	0	0	
9	Lạng Chánh	10	9	2	22,22	0	0	64	30	46,87	1	0	0	0	0	
10	Bá Thước	21	20	3	15,0	0	0	183	82	44,80	3	3	3	0	0	
11	Mường Lát	8	7	0	0	0	0	77	17	22,07	0	1	1	0	0	
Tổng cộng các huyện		175	163	54	33,13	5	0	1.330	703	52,85	46	33	32	1	0	

Biểu 02: TỔNG HỢP TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, Ở THÔN, BẢN
(Kèm theo báo cáo số: 720 BC/DT, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng số thôn	Số thôn được công nhận	Số thôn đạt tiêu chí														Tổng số tiêu chí đạt	Bình quân đạt
				LĐ có việc làm	Thu nhập	Hộ nghèo	Nhà ở dân cư và vườn hộ	Giao thông	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và ATTP	Thủy lợi	Điện	Thông tin và truyền thông	Hệ thống chính trị	QP và AN		
1	Mường Lát	77	17	77	17	17	33	27	59	71	45	27	53	61	32	77	74	670	8,70
2	Quan Hóa	87	31	80	32	31	59	46	86	82	64	37	85	84	82	87	86	941	10,81
3	Quan Sơn	83	56	83	57	59	75	75	83	67	74	71	79	80	59	83	83	1028	12,38
4	Bá Thước	183	82	181	95	82	118	98	147	181	127	108	142	179	164	171	183	1976	10,80
5	Lạng Chánh	64	30	64	36	47	39	53	64	64	61	34	60	62	64	64	64	776	12,12
6	Thường Xuân	113	41	113	58	61	101	81	96	113	81	110	97	109	110	111	112	1353	11,97
7	Như Xuân	112	60	110	60	57	57	70	86	108	81	57	106	112	100	112	112	1228	10,96
8	Như Thanh	149	75	132	117	114	131	140	136	131	130	126	137	149	147	149	147	1886	12,66
9	Ngọc Lặc	189	153	189	181	181	176	162	189	189	189	177	189	189	189	189	189	2578	13,64
10	Thạch Thành	170	113	163	141	113	165	137	158	150	158	121	157	169	165	170	170	2137	12,57
11	Cẩm Thủy	103	45	87	82	87	80	81	82	78	75	71	87	87	87	87	87	1158	11,24
	Tổng	1330	703	1279	876	849	1034	970	1186	1234	1085	939	1192	1281	1199	1300	1307	15731	11,56